

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294 / 2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 22 / 9 / 2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hồng;  
Ông Lê Văn Phú

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vũ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 442/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà K có mặt, ông Q vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị K trình bày: Năm 2009, thông qua quá trình tự do tìm hiểu, bà và ông Q chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 13/4/2011. Sau khi kết hôn cả hai chung sống bên nhà ông Q, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Q khi lên Bình Dương làm thuê có người phụ nữ khác, không gửi tiền về phụ giúp nuôi con. Hiện bà và ông Q không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay bà K xin ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/2010 và Nguyễn Đình S sinh ngày 19/9/2012, đang sống chung với bà. Ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Q không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà K.

Cháu Nguyễn Thị Mỹ H trình bày tại biên bản ghi lời khai của Tòa án ngày 31/5/2017 như sau: Cháu là con chung của ông Q và bà K. Hiện cháu đang sống chung với mẹ, cha mẹ đã không còn chung sống với nhau từ lâu và trong thời gian này ông Q cũng không thăm và gửi tiền về cho cháu đi học. Nếu cha, mẹ ly hôn thì cháu xin tiếp tục sống với mẹ.

Quá trình hòa giải, do ông Q vắng mặt, do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa bà K bảo lưu ý kiến như đã trình bày tại đơn khởi kiện và phiên hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và người tham gia tố tụng phát biểu:

Đối với Thẩm phán, quá trình giải quyết vụ án đã xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục xét xử được đảm bảo. Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: ông Q được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà K, căn cứ quy định pháp luật xem như ông Q từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình và HĐXX tiến hành xử vắng mặt ông là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà K, ông Q có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nên bà K xin ly hôn và căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện trong thời gian không còn chung sống ông, bà không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Về con chung: hiện do bà K nuôi dưỡng; tài sản và nợ chung bà K không yêu cầu giải quyết. Đề nghị HĐXX áp dụng những quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình giải quyết chấp nhận yêu cầu của bà K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Q. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà K, ông Q có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà K trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Q không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha; thời gian đi Bình Dương làm việc ông Q có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và trong

thời gian không còn chung sống ông không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, không có ý định đoàn tụ với vợ con. Tòa án đã tiến hành phiên họp để các bên đương sự thực hiện quyền tiếp cận, công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như hòa giải để động viên ông Q và bà K chung sống nhưng ông Q không đến tham gia hòa giải và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà K. Ngoài ra, để xác minh tình trạng mâu thuẫn trong thời kỳ hôn nhân, cán bộ Tòa án đã xác minh đối với ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1942 là cha ông Q và được ông M cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q đi làm nhưng chỉ biết ăn chơi, không gửi tiền về phụ nuôi con và gia đình của bà K cũng không cho K tiếp tục sống chung với Q. Lời khai của ông M còn phù hợp với lời trình bày của cháu H là con chung của ông Q, bà K.

Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông, bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/2010 và Nguyễn Đình S sinh ngày 19/9/2012, đang sống chung với bà. Xét thấy: các cháu H, S từ trước đến nay đều do bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cháu H cũng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ trong trường hợp cha, mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà K theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà K cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một bên hoặc cả hai bên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà K không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà K không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Trường hợp ông Q có yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung thì có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Q được ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị K được tiếp tục nuôi dạy các con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/2010 và Nguyễn Đình S sinh ngày 19/9/2012.

Ông Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà K cùng các thành viên gia đình không được cản trở quyền thăm nom con chung của ông Q.

Ông Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của cá nhân hoặc của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011022 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà K đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ khi được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- UNND xã Khánh An;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**Nguyễn Quang Bảo**